TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **205**/2019/DS-PT

Ngày 30-10-2019

"V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Thông**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Trường**

Ông **Phạm Tồn.**

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng*:** Ông Nguyễn Thế Vinh, Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2019/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc "*Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 24/11/2018 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1376/2019/QĐ-PT ngày 04/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đinh Văn D; sinh năm 1962, có mặt.

Trú tại: Đội 1, thôn T, xã T1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Đinh Quang B; sinh năm 1950, có mặt.

Trú tại: Đội 1, thôn T, xã T1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Ngọc Th1 (theo Giấy uỷ quyền lập ngày 19/7/2019), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn P – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đinh Văn Th; sinh năm 1951,

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Ngọc Th1 (theo Giấy uỷ quyền lập ngày 19/7/2019), có mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị T2; sinh năm 1959 (Vợ ông D), vắng mặt.

3.3. Anh Đinh L; sinh năm 1986 (Con ông D), vắng mặt.

3.4. Chị Đinh Thị Mỹ L1; sinh năm 1996 (Con ông D), vắng mặt.

3.5. Chị Đinh Thị L2; sinh năm 1992 (Con ông D), vắng mặt.

3.6. Bà Nguyễn Thị Ngọc P1; sinh năm 1953 (Vợ ông B), vắng mặt.

Cùng trú tại: Đội 1, thôn T, xã T1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3.7. Anh Đinh Xuân Tr; sinh năm 1976 (Con ông B), vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố L3, phường Tr2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.8. Anh Đinh Ngọc Th1; sinh năm 1979 (Con ông B), có mặt.

Trú tại: Đội 5, thôn C, xã T3, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.9. Ủy ban nhân dân huyện S.

Đại diện theo pháp luật ông Phạm Đ – Phó Chủ tịch phụ trách.

Đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Trung Th2 – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện S; có mặt (Theo giấy ủy quyền số 2990 ngày 23/11/2018. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xã Tịnh Hà, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3.10. Ủy ban nhân dân xã T1.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đại D1 – Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Tr1 – Phó Chủ tịch, theo giấy ủy quyền 05/GUQ ngày 21/11/2018, vắng mặt.

Địa chỉ: Xã T1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 04/8/2015, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/11/2015 của nguyên đơn; các biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Đinh Văn D trình bày: Cha mẹ ông là cụ Đinh M chết ngày 26/11/1972 và cụ Phạm

Thị A chết ngày 14/6/2013. Cha mẹ ông có 5 người con gồm: Đinh S1 là Liệt sỹ hy sinh năm 1968 không có vợ, con, Đinh Thị H là Liệt sỹ hy sinh năm 1972 không có chồng, con, Đinh Quang B, Đinh Văn Th và Đinh Văn D.

Cha mẹ ông chết không để lại di chúc và di sản để lại gồm:

Thửa đất 58, tờ bản đồ 25 xã T1, diện tích 6.364m^2 (Qua đo đạc thực tế là 6.168 m^2) do ông Đinh Quang B đứng tên đăng ký quyền sử dụng đất và được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số QSDĐ/569/QĐ-254 ngày 30/8/1999.

Nguyên nguồn gốc thửa đất 58 là tài sản của ông bà lưu hạ lại cho cha mẹ ông. Theo Chỉ thị 299/TTg mẹ ông là bà Phạm Thị A là người đứng tên đăng ký kê khai, năm 1998 do ông Đinh Quang B lúc đó là cán bộ nghỉ hưu không có đất sản xuất nên mẹ ông để cho ông B tạm sử dụng một phần diện tích đất để sản xuất. Khi Nhà nước yêu cầu người dân đi đăng ký đất theo Nghị định 64/CP thì ông Đinh Quang B tự ý đi kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên mà không được sự đồng ý của mẹ ông. Ông Đinh Quang B đi kê khai trong tờ Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất với nội dung nguồn gốc đất là của ông bà để lại cho ông là không đúng sự thật, vì nguồn gốc đất là ông bà nội để lại cho cha mẹ ông. Khi phát hiện ông Đinh Quang B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mẹ ông đã nhiều lần yêu cầu ông Đinh Quang B chia đất cho anh em ông nhưng ông B không chịu thực hiện. Đến ngày 12/9/2011 gia đình ông tổ chức họp gia đình, tại cuộc họp gia đình mẹ ông là Phạm Thị A và ông B, ông Th cùng ông đều thống nhất để ông B đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thống nhất chia thửa đất 58, tờ bản đồ 25 ra làm ba phần đều nhau cho 3 anh em ông, nhưng sau đó ông B vẫn không thực hiện theo biên bản họp gia đình.

Nay ông yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cha, mẹ ông chết để lại gồm: thửa đất 58, tờ bản đồ số 25 xã T1, diện tích đất 6.168 m^2, ông được hưởng một phần là 2.056 m^{2}quyền sử dụng đất.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Đinh Quang B về việc chia thừa kế thửa đất số 37, tờ bản đồ số 25, diện tích đo đạc thực tế 839,6 m^2 xã T1, huyện S trên đất có 1 ngôi nhà cấp 4 do vợ chồng ông xây dựng làm 03 phần cho ông là Đinh Văn D, ông Đinh Quang B và ông Đinh Văn Th mỗi người được nhận 01 phần thì ông đồng ý chia.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Đinh Quang B yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 739, tờ bản đồ số 25 xã T1, huyện S, diện tích 560 m^2 (Qua đo đạc thực tế là 560 m^2) được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mẹ ông bà Phạm Thị A, trên đất có 1 ngôi nhà tình nghĩa. Ông thống nhất để lại làm nhà thờ không yêu cầu chia đối với thửa đất này.

Ông yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 25 xã T1 đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số QSDĐ/569/QĐ-254 ngày 30/8/1999 đứng tên hộ ông Đinh Quang B. Lý do: Cấp không đúng trình tự, không đúng đối tượng vì đất này do bà Phạm Thị A đăng ký kê khai nhưng lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B và ông B khai đất của ông bà lưu hạ lại cho ông là không đúng.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Đinh Văn D rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Đối với thửa đất 58, khi chia thừa kế phải trừ diện tích nhà mà gia đình ông Đinh Quang B đã xây dựng và sử dụng ổn định, theo đo đạc diện tích là 336,7 m^2, đồng thời trừ phần diện tích của thửa 57 khi đo ông B chỉ cả phần thửa 57, diện tích của thửa 57 là 246 m^2, đất này của UBND xã quản lý, như vậy diện tích để chia thừa kế là 5.585,3 m^2 (6.168 m^2 - 336,7 m^2 - 246 m^2), chia làm ba kỷ phần, mỗi kỷ phần được nhận là 1.861,76 m^2, nay yêu cầu chia thừa kế thửa đất 58, ông D được nhận kỷ phần là 1.861,76 m^2.

Tại Đơn phản tố ngày 19/11/2015, Đơn phản tố bổ sung ngày 15/01/2016; tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Đinh Quang B trình bày:

Thửa đất 58, diện tích đất 6.364 m^2 (đo đạc thực tế 6.168m^2) là của ông bà lưu hạ lại cho cha mẹ ông là bà Phạm Thị A và bà A là người đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/CT. Năm 1990 chia đất theo Nghị định 64/CP mẹ ông và các anh em trong gia đình thống nhất giao diện tích đất 6.168 m^2 cho ông đi đăng ký kê khai và trả nợ nghĩa vụ thuế trước đó mẹ ông còn thiếu và đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông, lúc mẹ ông giao đất cho ông không có giấy tờ gì. Năm 1999 tách thửa đất này thành hai thửa: thửa 739, diện tích 560 m^2 đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Phạm Thị A và trên đất đã xây dựng nhà tình nghĩa và phần đất còn lại là thửa 58, diện tích 6.364 m^2 đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông, gia đình ông đã làm nhà ở và sinh sống trên mảnh đất này từ đó đến nay và không ai có tranh chấp gì.

Việc ông Đinh Văn D yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 58, tờ bản đồ số 25, ông không đồng ý. Vì thửa đất này lúc đầu là một thửa, sau khi ông D đi tách một phần thửa đất thành thửa 739, diện tích 560 m^2 được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mẹ ông là bà Phạm Thị A, phần còn lại ông mới đăng ký thành thửa 58, diện tích 6364 m^2, chính Đinh Văn D là người đi kê khai và khi đó mẹ ông là bà Phạm Thị A còn sống đã đồng ý như vậy.

Ông xác định mẹ ông bà Phạm Thị A chết để lại di sản là:

- Thửa đất thứ nhất: Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 25 xã T1, huyện S, diện tích 926 m^2 (Qua đo đạc thực tế là 839,5 m^2) được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mẹ ông Phạm Thị A, trên đất có 1 ngôi nhà cấp 4 do

Đinh Văn D xây dựng. Ông yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 37 làm 03 phần cho ông một phần với diện tích là 200 m^2.

- Thửa đất thứ hai: thửa đất số 739, tờ bản đồ số 25 xã T1, huyện S, diện tích 560 m^2 (Qua đo đạc thực tế là 526 m^2) được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mẹ ông Phạm Thị A, trên đất có 1 ngôi nhà cấp 4, đây là nhà tình nghĩa do nhà nước hỗ trợ tiền cho mẹ ông xây dựng, hiện nay nhà đất này ông cũng thống nhất để làm nhà thờ để thờ cúng chung.

- Đối với việc ông D yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho hộ gia đình ông, tại thửa đất 58, tờ bản đồ số 25 xã T1 ông không đồng ý.

Tại Đơn yêu cầu ngày 25/12/2015, Đơn yêu cầu bổ sung ngày 15/01/2016; các phiên hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn Th trình bày:

Ông yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 37, diện tích 839,5m^2 do ông Đinh Văn D đang quản lý làm 03 phần, ông nhận một phần diện tích là 200 m^2 quyền sử dụng đất.

Thửa đất 739, diện tích là 560 m^2, tờ bản đồ số 25 xã T1, huyện S được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mẹ ông Phạm Thị A, trên đất có 1 ngôi nhà cấp 4 là nhà tình nghĩa, ông cũng thống nhất nhà, đất này để làm nhà thờ cúng chung.

Đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 25, diện tích 6.168 m^2 hiện ông Đinh Quang B đang quản lý, sử dụng. Thửa đất này nếu chia thừa kế thì ông cũng yêu cầu được nhận một phần theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị T2 có mặt, anh Đinh L, chị Đinh Thị Mỹ L1; chị Đinh Thị L2 vắng mặt nhưng tại bản tự khai thống nhất như yêu cầu của ông Đinh Văn D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn:

Ông Đinh Xuân Tr và bà Nguyễn Thị Ngọc P1 vắng mặt tại phiên tòa, anh Đinh Ngọc Th1 trình bày: Thống nhất như ý kiến của ông Đinh Quang B.

Đại diện theo ủy quyền của Uỷ ban nhân dân huyện S ông Nguyễn Trung Th2 trình bày:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đinh Quang B là đúng nên không đồng ý đối với yêu cầu của ông D về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Đinh Quang B đối với thửa đất 58, tờ bản đồ số 25 xã T1.

Đại diện UBND xã T1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại Bản trình bày ngày 10/8/2018 Ủy ban nhân dân xã T1 có ý kiến như sau:

Đối với thửa đất số 58, diện tích 6.364 m^2, tờ bản đồ 25 xã T1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi mà hiện nay ông Đinh Văn D yêu cầu chia thừa kế, ông Đinh Quang B (anh ruột ông Đinh Văn D) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1999 thì phía tây của thửa đất số 58 này tiếp giáp với thửa đất số 57, diện tích 1.027m^2, loại đất LNK, nguồn gốc do Ủy ban nhân dân xã T1 quản lý; diện tích thửa đất số 57, tờ bản đồ số 25 xã T1 hiện tiếp giáp với thửa đất số 58 của ông Đinh Quang B đứng tên là 246 m^2, có các cạnh như sau:

Cạnh phía bắc giáp đường bê tông dài 5,7m; cạnh phía nam giáp phần đất còn lại của thửa đất số 57 dài 18,9m, cạnh phía tây giáp đường đất dài 18m, cạnh phía đông giáp thửa đất số 58 dài 27m (UBND xã T1 đã cung cấp sơ đồ này cho Tòa án).

Ủy ban nhân dân xã T1 không có tranh chấp và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn D. Đề nghị Tòa giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 24/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, 34, khoản 1 Điều 147, Điều 165 và Điều 166, Điều 200, Điều 201, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 649, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn D về việc chia di sản thừa kế của cụ Đinh M và cụ Phạm Thị A là 5.585,3m^2 đất thuộc thửa đất 58, tờ bản đồ số 25 xã T1.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Đinh Quang B và yêu cầu độc lập của ông Đinh Văn Th về việc chia di sản thừa kế của cụ Đinh M và cụ Phạm Thị A là 543m^2 đất thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 25 xã T1.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đinh Quang B và yêu cầu độc lập của ông Đinh Văn Th về việc chia 19 m^2 đất (200 m^2 - 181 m^2) thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 25 xã T1.

4. Di sản của cụ Đinh M và cụ Phạm Thị A là 5.585,3m^2 đất thuộc thửa đất số 58 và 543m^2 đất thuộc thửa đất số 37 cùng tờ bản đồ số 25, xã T1 được chia như sau:

4.1. Chia cho ông Đinh Văn D 543 m^2 (839,6 m^2 – 296,6 m^2) đất còn lại của thửa đất số 37 và 296,6 m^2 đất thuộc thửa 37 trên đất này có nhà của ông D, bà T2 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông D, tờ bản đồ số 25 xã T1. Diện tích đất này ông D đang quản lý, sử dụng nên tiếp tục quản lý, sử dụng.

4.2. Chia cho ông Đinh Văn D 1.499,76 m^2 đất, thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 25 xã T1 có hình A1A2A3A4 trong sơ đồ phân chia thửa đất số 58, tờ bản đồ số 25 xã T1 kèm theo bản án, có các cạnh: A1A2 giáp đường tỉnh lộ 622C, dài 32,22 mét, cạnh A2A3 giáp đất giao cho ông Th, dài 65,06 mét, cạnh A3A4 giáp thửa đất số 92, dài 59,2 mét, cạnh A1A4 giáp thửa 57, dài 23,78 mét. Phần đất này hiện nay gia đình ông Đinh Quang B đang quản lý, sử dụng và trồng cây trên đất nên ông Đinh Quang B, bà Nguyễn Thị Ngọc P1, anh Đinh Xuân Tr, anh Đinh Ngọc Th1 có trách nhiệm thu hoạch, dỡ dọn cây trồng trên đất và giao phần diện tích đất này cho ông Đinh Văn D.

4.3. Chia cho ông Đinh Văn Th được nhận diện tích 2.042,76 m^2 đất, thuộc thửa đất 58, tờ bản đồ số 25 xã T1, phần đất có hình A3A2A5A6A7A8A9A10 trong sơ đồ phân chia thửa đất số 58, tờ bản đồ số 25 xã T1 kèm theo bản án, có các cạnh: A2A5; A8A9 giáp đường tỉnh lộ 622C, cạnh A2A5 dài 10,57m, cạnh A8A9 dài 9,54 m, cạnh A9A10 giáp đất giao cho ông B, dài 79,54 m, cạnh A10A3 giáp thửa đất số 112, 90, 91, dài (10 m + 5,66 m +14,43 m + 15,55 m), cạnh A3A2 giáp đất giao cho ông D, dài 65,06 m, cạnh A5A6 giáp thửa 739 dài 43,15 m, cạnh A6A7 giáp thửa 739, dài 10,06 m, cạnh A7A8 giáp thửa 739, dài 43,12 m. Diện tích đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số QSDĐ/569/QĐ-254 ngày 30/8/1999 đứng tên hộ ông Đinh Quang B. Phần đất này hiện nay gia đình ông Đinh Quang B đang quản lý, sử dụng và trồng cây trên đất. Ông Đinh Quang B, bà Nguyễn Thị Ngọc P1; anh Đinh Xuân Tr, anh Đinh Ngọc Th1 có trách nhiệm thu hoạch, dỡ dọn cây trồng trên đất và giao phần diện tích đất này cho ông Đinh Văn Th.

4.4. Chia cho ông Đinh Quang B được nhận diện tích 2.042,76 m^2 đất và diện tích 336,7 m^2 đất thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 25 xã T1 trên đất có nhà của ông Đinh Quang B và bà P1 thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Đinh Quang B, có hình A9A10A11A12 trong sơ đồ phân chia thửa đất số 58, tờ bản đồ số 25 xã T1 kèm theo bản án, có các cạnh: A9A12 giáp đường tỉnh lộ 622C, dài 31,09 mét, cạnh A12A11 giáp thửa đất 59, dài 35,99 mét, cạnh A11A10 giáp thửa đất số 88, 89,112, dài 62,95 mét, cạnh A9A10 giáp phần đất giao cho ông Th, dài 79,54 mét. Diện tích đất này đã được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số QSDĐ/569/QĐ-254 ngày 30/8/1999 đứng tên hộ ông Đinh Quang B. Phần đất này hiện nay gia đình ông Đinh Quang B đang quản lý, sử dụng và trồng cây trên đất. Ông Đinh Quang B được tiếp tục quản lý, sử dụng.

(Có sơ đồ phân chia thừa kế kèm theo bản án và là một bộ phận không tách rời bản án).

Các đương sự có trách nhiệm đi kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Ghi nhận sự thỏa thuận của các ông Đinh Quang B, Đinh Văn Th và Đinh Văn D về việc không chia thừa kế thửa đất số 739, tờ bản đồ số 25 xã T1, diện tích đo đạc thực tế là 560 m^2 trên đất có 1 ngôi nhà tình nghĩa; thửa đất và ngôi nhà này để làm nhà thờ chung, ông Đinh Quang B, ông Đinh Văn Th và ông Đinh Văn D được quyền sở hữu, sử dụng chung. Thửa đất này đã được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số QSDĐ/569/QĐ-254 ngày 30/8/1999 đứng tên hộ bà Phạm Thị A.

Ông Đinh Quang B, ông Đinh Văn Th và ông Đinh Văn D có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

6. Chấp nhận yêu cầu của ông Đinh Văn D hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 25 xã T1 đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số QSDĐ/569/QĐ-254 ngày 30/8/1999 đứng tên hộ ông Đinh Quang B.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, định giá tài sản, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 06-12-2018, ông Đinh Quang B kháng cáo đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 24/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 06-12-2018, ông Đinh Quang Dư kháng cáo đề nghị được nhận phần đất chia cho ông Đinh Quang Thu, ngược lại ông Th nhận phần đất của ông được chia.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Ông Đinh Văn D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện.

Ông Đinh Quang B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của ông Nguyễn Văn P trình bày cho rằng: Về nguồn gốc đất, các bên đã thừa nhận là của cụ Cố để lại cho cha mẹ các ông. Sau đó bà Phạm Thị A đăng ký theo Chỉ thị 299, ông B đăng ký theo Nghị định 64/CP và do ông B là người trực tiếp quản lý, sử dụng nên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông B. Vì vậy, không phải là di sản của cụ M và cụ A. Đồng thời, trong vụ án nhiều vấn đề chưa được xác minh làm rõ, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Ý kiến của ông Đinh Ngọc Th1 đại diện theo uỷ quyền của ông B: Thống nhất như ý kiến của ông Nguyễn Văn P. Về các tài sản trên đất là các loại cây trồng như bạch đàn, keo lá tràm và một số loại khác nếu Toà án chấp nhận chia di sản thừa kế cho ông D và ông Th, ông không yêu cầu phải trả lại giá trị mà gia đình ông tự thu dọn các loại cây trồng để giao lại đất cho ông D và ông Th.

Ý kiến của ông Đinh Ngọc Th1, đại diện theo uỷ quyền của ông Đinh Văn Th: Không đồng ý đổi đất cho ông D, giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Ý kiến của ông Đinh Văn D trình bày cho rằng: Ông thống nhất như bản án sơ thẩm nhưng do nhà của ông đang ở nằm dưới đường dây điện nên ông đề nghị được đổi sang vị trí đất của ông Th.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Toà án cấp sơ thẩm có nhiều sai sót như: Định giá tài sản chưa đúng số thửa; thời hạn sử dụng đến năm 2019 nhưng không có chứng cứ nào thể hiện ông D có được cấp tiếp hay không; chia tài sản chưa phân định phần diện tích đất ở; đất cấp cho hộ gia đình ông D nhưng tại Biên bản họp gia đình ngày 12/9/2011 chỉ có một mình ông D ký là không đúng, chưa thể hiện ý chí của các thành viên trong gia đình; ông D đã rút yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 379 với diện tích 526m^2, trên đất có ngôi nhà tình nghĩa của bà Phạm Thị A và cả ông D, ông B, ông Th đều đồng ý để làm nhà thờ chung nhưng tại phần quyết định của bản án không đình chỉ xét xử.

Do Bản án sơ thẩm có sai phạm, Tòa án cấp phúc thẩm không khắc phục được. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông D, chấp nhận kháng cáo của ông B, huỷ Bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt; tuy nhiên, đây là phiên toà lần thứ 3 đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng các đương sự trên.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Quang B không đồng ý chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 58 tờ bản đồ số 25 đề nghị huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 24/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Về di sản thừa kế: Các ông Đinh Văn D, ông Đinh Quang B và Đinh Văn Th đều thống nhất di sản thừa kế của cụ M, cụ A là: Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 25 xã T1, huyện S, diện tích 926m^2 (Qua đo đạc thực tế là 839,5m^2) được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Phạm Thị A, trên đất có 1 ngôi nhà cấp 4 do ông Đinh Văn D xây dựng, hiện nay nhà đất này ông D đang quản lý, sử dụng và thửa đất 739, tờ bản đồ số 25 xã T1, huyện S, diện tích là 560m^2 được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên

cụ Phạm Thị A, trên đất có 1 ngôi nhà cấp 4 là Nhà tình nghĩa, các ông B, Thu và Dư đều thống nhất để làm nhà thờ chung.

[4] Đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ 25 diện tích 6.364m^2 (đo đạc thực tế là 6.168m^2) ông B cho rằng việc ông đứng tên đăng ký quyền sử dụng đất là do cha, mẹ đã cho ông nên ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số QSDĐ/569/QĐ-254 ngày 30/8/1999; trong đó đã xác định 6.164m^2 là loại Đất vườn, 220m^2 là đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài. Xét thấy, đối với thửa đất này có nguồn gốc từ thửa 159, tờ bản đồ số 13, xã T1 do cụ Phạm Thị A đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg; khi kê khai theo Nghị định 64/CP ông B là người kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử đất, không phải là đất nông nghiệp được cân đối cấp từ quỹ đất của địa phương. Do vậy, không phải là đất cấp cho hộ gia đình theo số nhân khẩu. Tại Biên bản họp gia đình ngày 12/9/2011 gồm có cụ Phạm Thị A, ông Đinh Quang B, Đinh Văn Th và Đinh Văn D đều thống nhất thửa đất 58 để cho ông Đinh Quang B đứng tên làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thống nhất chia vườn này cho ba người con trai (Ông B, ông D và ông Th). Vì vậy, việc bị đơn ông Đinh Quang B cho rằng thửa đất 58 do cụ Phạm Thị A và các anh em đã thống nhất cho ông B là không có căn cứ. Do đó, UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B là không đúng đối tượng, theo quy định tại phần II Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành định giá đất và tài sản trên đất đầy đủ cả 03 thửa đất, gồm: Thửa đất số 58 với diện tích 6.324m^2 *(ông B đang quản lý sử dụng),* thửa đất số 379 với diện tích 526m^2 *(Nhà tình nghĩa của bà A),* thửa đất số 37 với diện tích 926m^2 *(ông D đang quản lý sử dụng)* đều cùng tờ bản đồ 25. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm chưa xác định được phần diện tích đất chia cho ông D và ông Th có những loại cây trồng gì và giá trị là bao nhiêu để buộc hoàn trả lại giá trị cho ông B. Toà án cấp phúc thẩm đã uỷ thác tư pháp cho Toà án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ để xác định lại khắc phục thiếu sót trên. Tại phiên toà phúc thẩm ông Đinh Ngọc Th1 đại diện theo uỷ quyền của ông B có ý kiến do ông D và ông Th đều là chú ruột của ông nên ông không yêu cầu các ông phải thối lại giá trị các loại cây trồng, gia đình ông sẽ tự thu dọn để giao đất cho các chú nếu Toà án buộc phải chia thừa kế. Vì vậy, ông Đinh Quang B kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận; quyết định của Bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[6] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Văn D đề nghị được đổi phần diện tích đã giao cho Đinh Văn Th. Xét thấy, tại phiên toà phúc thẩm ông Th không đồng ý đổi đất cho ông D nên yêu cầu kháng cáo của ông không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên về thiếu sót của Toà án cấp sơ thẩm, ông D đã rút yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 379 với diện tích 526m^2 , trên đất có ngôi Nhà tình nghĩa của bà Phạm Thị A; đồng thời cả ông D, ông B và ông Th đều đồng ý để làm nhà thờ chung nhưng tại phần quyết định của bản án không đình chỉ xét xử đối với phần này là có căn cứ, cần chấp nhận. Tuy nhiên, xét thấy không nhất thiết phải sửa bản án sơ thẩm mà chỉ cần bổ sung thêm cũng đảm bảo theo qui định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Văn Ba và ông Đinh Văn D và ý kiến của Kiểm sát viên, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

[9] Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ông Đinh Văn D, ông Đinh Quang B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông B và ông D đều là người thân nhân Liệt sỹ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình Liệt sỹ, là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội miễn toàn bộ án phí cho ông B và ông D.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 649, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Văn Ba và ông Đinh Văn D; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2018/DS-ST ngày 24/11/2018 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn D về việc chia di sản thừa kế của cụ Đinh M và cụ Phạm Thị A là 5.585,3m^2 đất thuộc thửa đất 58, tờ bản đồ số 25 xã T1.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Đinh Quang B và yêu cầu độc lập của ông Đinh Văn Th về việc chia di sản thừa kế của cụ Đinh M và cụ Phạm Thị A là 543m^2 đất thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 25 xã T1.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đinh Quang B và yêu cầu độc lập của ông Đinh Văn Th về việc chia 19m^2 đất (200 m^2 – 181 m^2) thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 25 xã T1.

5. Di sản của cụ Đinh M và cụ Phạm Thị A là 5.585,3m^2 đất thuộc thửa đất số 58 và 543m^2 đất thuộc thửa đất số 37 cùng tờ bản đồ số 25, xã T1 được chia như sau:

- Chia cho ông Đinh Văn D 543m^2 (839,6 m^2 – 296,6 m^2) đất còn lại của thửa đất số 37 và 296,6 m^2 đất thuộc thửa 37 trên đất này có nhà của ông D, bà T2 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông D, tờ bản đồ số 25 xã T1. Diện tích đất này ông D đang quản lý, sử dụng nên tiếp tục quản lý, sử dụng.

- Chia cho ông Đinh Văn D 1.499,76 m^2 đất, thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 25 xã T1 có hình A1A2A3A4 trong sơ đồ phân chia thửa đất số 58, tờ bản đồ số 25 xã T1 kèm theo bản án, có các cạnh: A1A2 giáp đường tỉnh lộ 622C, dài 32,22m, cạnh A2A3 giáp đất giao cho ông Th, dài 65,06m, cạnh A3A4 giáp thửa đất số 92, dài 59,2m, cạnh A1A4 giáp thửa 57, dài 23,78m. Phần đất này hiện nay gia đình ông Đinh Quang B đang quản lý, sử dụng và trồng cây trên đất nên ông Đinh Quang B, bà Nguyễn Thị Ngọc P1, anh Đinh Xuân Tr, anh Đinh Ngọc Th1 có trách nhiệm thu hoạch, dỡ dọn cây trồng trên đất và giao phần diện tích đất này cho ông Đinh Văn D.

- Chia cho ông Đinh Văn Th được nhận diện tích 2.042,76m^2 đất, thuộc thửa đất 58, tờ bản đồ số 25 xã T1, phần đất có hình A3A2A5A6A7A8A9A10 trong sơ đồ phân chia thửa đất số 58, tờ bản đồ số 25 xã T1 kèm theo bản án, có các cạnh: A2A5; A8A9 giáp đường tỉnh lộ 622C, cạnh A2A5 dài 10,57m, cạnh A8A9 dài 9,54m, cạnh A9A10 giáp đất giao cho ông B, dài 79,54m, cạnh A10A3 giáp thửa đất số 112, 90, 91, dài (10m + 5,66m +14,43m + 15,55m), cạnh A3A2 giáp đất giao cho ông D, dài 65,06m, cạnh A5A6 giáp thửa 739 dài 43,15m, cạnh A6A7 giáp thửa 739, dài 10,06m, cạnh A7A8 giáp thửa 739, dài 43,12m. Diện tích đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số QSDĐ/569/QĐ-254 ngày 30/8/1999 đứng tên hộ ông Đinh Quang B. Phần đất này hiện nay gia đình ông Đinh Quang B đang quản lý, sử dụng và trồng cây trên đất. Ông Đinh Quang B, bà Nguyễn Thị Ngọc P1; anh Đinh Xuân Tr, anh Đinh Ngọc Th1 có trách nhiệm thu hoạch, dỡ dọn cây trồng trên đất và giao phần diện tích đất này cho ông Đinh Văn Th.

- Chia cho ông Đinh Quang B được nhận diện tích 2.042,76 m^2 đất và diện tích 336,7 m^2 đất thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 25 xã T1 trên đất có nhà của ông Đinh Quang B và bà P1 thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Đinh Quang B, có hình A9A10A11A12 trong sơ đồ phân chia thửa đất số 58, tờ bản đồ số 25 xã T1 kèm theo bản án, có các cạnh: A9A12 giáp đường tỉnh lộ 622C, dài 31,09m, cạnh A12A11 giáp thửa đất 59, dài 35,99m, cạnh A11A10 giáp thửa đất số 88, 89,112, dài 62,95m, cạnh A9A10 giáp phần đất giao cho ông Th, dài

79,54m. Diện tích đất này đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số QSDĐ/569/QĐ-254 ngày 30/8/1999 đứng tên hộ ông Đinh Quang B. Phần đất này hiện nay gia đình ông Đinh Quang B đang quản lý, sử dụng và trồng cây trên đất. Ông Đinh Quang B được tiếp tục quản lý, sử dụng.

(Có sơ đồ phân chia thừa kế kèm theo bản án và là một bộ phận không tách rời bản án).

Các đương sự có trách nhiệm đi kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

6. Ghi nhận sự thỏa thuận của các ông Đinh Quang B, Đinh Văn Th và Đinh Văn D về việc không chia thừa kế thửa đất số 739, tờ bản đồ số 25 xã T1, diện tích đo đạc thực tế là 560m^2 trên đất có 1 ngôi nhà tình nghĩa; thửa đất và ngôi nhà này để làm nhà thờ chung, ông Đinh Quang B, ông Đinh Văn Th và ông Đinh Văn D được quyền sở hữu, sử dụng chung. Thửa đất này đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số QSDĐ/569/QĐ-254 ngày 30/8/1999 đứng tên hộ bà Phạm Thị A.

Ông Đinh Quang B, ông Đinh Văn Th và ông Đinh Văn D có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

7. Chấp nhận yêu cầu của ông Đinh Văn D hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ số 25 xã T1 đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số QSDĐ/569/QĐ-254 ngày 30/8/1999 đứng tên hộ ông Đinh Quang B.

8. Về chi phí đo đạc, định giá tài sản: Ông Đinh Quang B, Đinh Văn Th và Đinh Văn D mỗi người phải chịu 3.733.300đồng. Ông D đã nộp tạm ứng 5.850.000đồng, ông B đã nộp tạm ứng 5.350.000đồng, nên ông Th phải hoàn trả cho ông D 2.116.700,đồng và hoàn trả cho ông B 1.616.600đồng.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Đinh Văn D, Đinh Quang B, Đinh Văn Th. Hoàn trả lại cho ông D, ông B, ông Th mỗi người 750.000, đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/9639 ngày 11/11/2015, số AA/2010/9672 ngày 29/02/2016 và số AA/2010/9671 ngày 29/02/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện S.

10. Đình chỉ xét xử yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 379 với diện tích 526m^2, trên đất có ngôi Nhà tình nghĩa của bà Phạm Thị A.

11. Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, VT, Phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông